HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2021/NQ-HĐND	*Hậu Giang, ngày 14 tháng 7 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2021 (lần 2)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 86/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2021 (lần 2); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2021 (lần 2), với số vốn 235.547 triệu đồng. Cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương: 234.639 triệu đồng *(đính kèm Phụ lục I).*

2. Bổ sung Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn thu vượt tiền sử dụng đất năm 2020: 908 triệu đồng *(đính kèm Phụ lục II).*

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2021./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN-TP. HCM);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Trần Văn Huyến

Phụ lục I

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số: 11/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021 được giao						Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh, bổ sung						Giảm	Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSĐP	Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:							
						Cân đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài		Cân đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài			
	TỔNG SỐ		4.250.505	3.168.988	812.917	187.781	395.761	1.775	42.000	185.600	812.917	187.781	395.761	1.775	42.000	185.600	234.639	234.639	
A	Hỗ trợ khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (5% trong tổng số vốn CĐNS)				19.984	19.984					14.984	14.984					5.000		
B	Bố trí cho Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã										4.000	4.000						4.000	
C	Bố trí cho Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh										1.000	1.000						1.000	
D	Thực hiện dự án		4.250.505	3.168.988	792.933	167.797	395.761	1.775	42.000	185.600	792.933	167.797	395.761	1.775	42.000	185.600	229.639	229.639	
*	CẤP TỈNH QUẢN LÝ		2.050.886	1.726.351	485.498	90.197	365.301	-	-	30.000	356.883	56.794	270.089	-	-	30.000	197.539	68.924	
I	Sở Kế hoạch và Đầu tư		59.464	59.464	23.897	23.897	-				2.500	2.500	-				21.397	-	
(4)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021		59.464	59.464	23.897	23.897	-	-			2.500	2.500	-	-			21.397	-	
1	Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1984/QĐ-UBND, 08/11/2019	54.964	54.964	20.897	20.897					-	-					20.897		
2	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang	370/QĐ-SKHĐT, 09/12/2020	4.500	4.500	3.000	3.000					2.500	2.500					500		
II	Sở Thông tin và Truyền thông		585.000	585.000	43.000	43.000	-				18.200	18.200	-				43.000	18.200	
(5)	Dự án khởi công mới năm 2021		585.000	585.000	43.000	43.000	-				18.200	18.200	-				43.000	18.200	
1	Xây dựng Chính quyền điện tử và Đô thị thông minh tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025	51/NQ-HĐND, 04/12/2020	300.500	300.500	43.000	43.000					-						43.000		Điều chỉnh tổng mức đầu tư và giảm nhu cầu vốn
2	Xây dựng Chính quyền điện tử và đô thị thông minh tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025	17/NQ-HĐND, 11/5/2021	225.500	225.500							-								
3	Nâng cấp, mở rộng hệ thống hội nghị trực tuyến của tỉnh đến cấp xã	1062/QĐ-UBND, 15/6/2021	13.000	13.000							3.200	3.200						3.200	
4	Trang bị, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	1063/QĐ-UBND, 15/6/2021	15.000	15.000							7.000	7.000						7.000	
5	Mở rộng, nâng cấp Cổng Dịch vụ công trực tuyến và hỗ trợ xác thực người sử dụng dịch vụ công trực tuyến	1140/QĐ-UBND, 23/6/2021	11.000	11.000							3.000	3.000						3.000	
6	Mở rộng, nâng cấp Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh và Hệ thống giám sát an toàn, an ninh mạng	1141/QĐ-UBND, 23/6/2021	20.000	20.000							5.000	5.000						5.000	
III	Văn phòng UBND tỉnh		16.000	16.000	-	-	-				2.000	2.000	-				-	2.000	
(5)	Dự án khởi công mới năm 2021		16.000	16.000	-	-	-				2.000	2.000	-				-	2.000	
1	Xây dựng hệ thống phòng họp không giấy	1057/QĐ-UBND, 15/6/2021	7.000	7.000							1.000	1.000						1.000	
2	Xây dựng Hệ thống trợ lý ảo giải đáp thủ tục hành chính và nâng cấp Ứng dụng di động Hậu Giang, Hệ thống quản lý văn bản	1056/QĐ-UBND, 14/6/2021	9.000	9.000							1.000	1.000						1.000	
IV	Đài Phát thanh và Truyền hình Hậu Giang		96.600	96.600	60.000	-	60.000				39.000	-	39.000				21.000	-	
(5)	Dự án khởi công mới năm 2021		96.600	96.600	60.000	-	60.000				39.000	-	39.000				21.000	-	
1	Nâng cấp hệ thống phát thanh - truyền hình Hậu Giang	163/QĐ-UBND, 27/01/2021	96.600	96.600	60.000		60.000				39.000		39.000				21.000		
V	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh		415.941	371.811	153.301	-	153.301				107.650	-	107.650				51.542	5.891	
(1)	Tất toán tài khoản		83.398	39.268	-	-	-	-			3.248	-	3.248	-			-	3.248	
1	Các phòng học Khoa Nông nghiệp Trường Đại học Cần Thơ tại ấp 4, xã Hòa An, H.Phụng Hiệp	1923/QĐ-UBND, 28/10/2016	30.000	30.000							1.775		1.775					1.775	
2	Trung tâm bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh	1919/QĐ-UBND, 31/10/2016	49.996	5.866							1.312		1.312					1.312	
3	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Trạm Y tế Phường Hiệp Thành	275QĐ-SKHĐT, 23/10/2019	3.402	3.402							161		161					161	

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021 được giao						Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh, bổ sung						Giảm	Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSDP	Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:							
						Cân đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài		Cân đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài			
(3)	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2021		34.375	34.375							1.143		1.143				-	1.143	
1	Trường Tiểu học Tân Long 2	297/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	10.000	10.000							402		402					402	
2	Trường Tiểu học thị trấn Cây Dương 1	296/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	10.000	10.000							31		31					31	
3	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo Trung tâm phòng chống HIV/AIDS tỉnh	288/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	1.972	1.972							105		105					105	
4	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm y tế huyện Châu Thành	151/QĐ-SKHĐT, 12/5/2020	12.403	12.403							605		605					605	
(5)	Dự án khởi công mới năm 2021		298.168	298.168	153.301	-	153.301				103.259	-	103.259				51.542	1.500	
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công trình y tế giai đoạn 1 và xây dựng Trụ sở Trung tâm Pháp y, Trung Tâm Giám định Y khoa, Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm	511/QĐ-UBND, 15/03/2021	190.000	190.000	94.301		94.301				66.759		66.759				27.542		
2	Trung tâm Y tế thành phố Vị Thanh	253/QĐ-UBND, 09/02/2021	44.995	44.995	20.000		20.000				15.000		15.000				5.000		
3	Cải tạo, mở rộng bệnh viện đa khoa tỉnh	251/QĐ-UBND, 09/02/2021	54.318	54.318	35.000		35.000				20.000		20.000				15.000		
4	Xây dựng Nhà Trưng bày Cố Luật sư Nguyễn Hữu Thọ	1994/QĐ-UBND, 23/11/2020	5.355	5.355	4.000		4.000				-		-				4.000		
5	Nâng cấp, sửa chữa Trường THPT Vị Thanh	258/QĐ-SKHĐT, 13/7/2021	3.500	3.500							1.500		1.500					1.500	
VI	Sở Tư pháp		2.000	2.000	1.800	1.800	-				1.908	1.908	-				-	108	
(5)	Dự án khởi công mới năm 2021		2.000	2.000	1.800	1.800	-				1.908	1.908	-				-	108	
1	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu công chứng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	371/QĐ-SKHĐT, 10/12/2020	2.000	2.000	1.800	1.800					1.908	1.908						108	
VII	Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng		8.360	8.360	2.500	2.500	-				7.750	7.750	-				-	5.250	
(5)	Dự án khởi công mới năm 2021		8.360	8.360	2.500	2.500	-				7.750	7.750	-				-	5.250	
1	Trạm bơm điện tại khoảnh 20 - 47, Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	257/QĐ-SKHĐT, 12/7/2021	860	860							750	750						750	
2	Hoàn thiện khu tái định cư Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	01/QĐ-SKHĐT, 08/01/2021	7.500	7.500	2.500	2.500					7.000	7.000						4.500	
VIII	Sở Giáo dục và Đào tạo		266.325	249.910	45.000	-	45.000				45.379	-	45.379				25.000	25.379	
(2)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2020		22.928	6.513	-	-	-	-			379	-	379	-			-	379	
1	NCSC và xây dựng nhà vệ sinh Trường THPT Tây Đô	312/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	590	-							39		39					39	
2	NCSC và xây dựng NVS Trường THPT Lương Thế Vinh	305/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	499	-							12		12					12	
3	NCSC và xây dựng NVS Trường THPT Cây Dương	309/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	613	-							20		20					20	
4	NCSC và xây dựng NVS Trường THPT Trường Long Tây	310/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	399	-							14		14					14	
5	Trường THPT Tân Long, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang; Hạng mục: Xây dựng mới 03 phòng bộ môn và 04 phòng học	12/QĐ-SKHĐT, 11/01/2019	6.653	1.853							104		104					104	
6	Trường THPT Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang; Hạng mục: Xây dựng mới 03 phòng bộ môn	13/QĐ-SKHĐT, 11/01/2019	4.477	1.301							82		82					82	
7	Trường THPT chuyên Vị Thanh, TP Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang; Hạng mục: Xây mới phòng vi tính, hàng rào, nhà vệ sinh, cải tạo khối hiệu bộ, sân đường	14/QĐ-SKHĐT, 11/01/2019	4.359	1.216							50		50					50	
8	Trường THPT Châu Thành A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; Hạng mục: Xây dựng mới 03 phòng bộ môn	14/QĐ-SKHĐT, 11/01/2019	4.496	1.301							49		49					49	
9	Trường THPT Trường Long Tây, huyện Châu Thành A	472/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	378	378							4		4					4	

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021 được giao						Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh, bổ sung						Giảm	Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSĐP	Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:							
						Cân đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài		Cân đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài			
10	Trường THPT Tân Phú, thị xã Long Mỹ	473/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	464	464							5		5					5	
(5)	Dự án khởi công mới năm 2021		243.397	243.397	45.000	-	45.000				45.000	-	45.000				25.000	25.000	
1	Đầu tư hệ thống lọc nước uống cho các trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2	540/QĐ-UBND, 18/03/2021	56.397	56.397	45.000		45.000				20.000		20.000				25.000		
2	Trang thiết bị tối thiểu lớp 1	1113/QĐ-UBND, 18/6/2021	44.500	44.500							6.000		6.000					6.000	
3	Trang thiết bị tối thiểu lớp 2	1114/QĐ-UBND, 18/6/2021	44.500	44.500							6.000		6.000					6.000	
4	Trang thiết bị tối thiểu lớp 6	1115/QĐ-UBND, 18/6/2021	41.000	41.000							5.000		5.000					5.000	
5	Trang thiết bị phòng học ngoại ngữ	1117/QĐ-UBND, 18/6/2021	20.000	20.000							3.000		3.000					3.000	
6	Trang thiết bị phòng học vi tính cấp trung học cơ sở	1116/QĐ-UBND, 18/6/2021	37.000	37.000							5.000		5.000					5.000	
IX	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		281.505	74.000	30.000	-	-	-	-	30.000	35.000	5.000	-	-	-	30.000	-	5.000	
(4)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021		281.505	74.000	30.000	-	-	-	-	30.000	35.000	5.000	-	-	-	30.000	-	5.000	
1	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Hậu Giang (VnSAT) vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB)	1569/QĐ-UBND, 9/11/2015; 1123/QĐ-UBND, 11/6/2020; 823/QĐ-UBND, 10/5/2021	281.505	74.000	30.000					30.000	35.000	5.000				30.000		5.000	Đối ứng ODA
X	Sở Khoa học và Công nghệ		4.994	4.994	-	-	-				125	125	-				-	125	
(1)	Tất toán tài khoản		4.994	4.994	-	-	-	-			125	125	-	-			-	125	
1	Đầu tư tăng cường tiềm lực cho Trung tâm thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ (giai đoạn 1)	318/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	4.994	4.994							125	125						125	
XI	Sở Tài nguyên và Môi trường		23.459	23.459	-	-	-	-			1.905	1.905	-	-			-	1.905	
(1)	Tất toán tài khoản		23.459	23.459	-	-	-				1.905	1.905	-				-	1.905	
1	Xây dựng hệ thống quan trắc tự động liên tục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và Cơ sở vật chất phòng thí nghiệm, hạ tầng kỹ thuật tiếp nhận dữ liệu quan trắc tự động	1970/QĐ-UBND, 31/10/2016	21.959	21.959							1.856	1.856						1.856	
2	Mua sắm trang thiết bị, bàn, ghế phòng họp lớn Sở Tài nguyên và Môi trường.	281/QĐ-SKHĐT, 28/10/2019	1.500	1.500							49	49						49	
XII	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường		2.246	2.246	-	-	-	-			246	246	-	-			-	246	
(1)	Tất toán tài khoản		2.246	2.246	-	-	-	-			246	246	-	-			-	246	
1	Nâng cấp, cải tạo công trình: Trụ sở Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	20/QĐ-SKHĐT, 06/02/2013; 202/QĐ-SKHĐT, 17/11/2015	2.246	2.246							246	246						246	
XIII	Công ty Cổ phần cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang		157.500	157.500	107.000	-	107.000	-			78.060	-	78.060	-			32.100	3.160	
(1)	Tất toán tài khoản		5.500	5.500	-	-	-				160	-	160				-	160	
1	Nâng cấp mở rộng, phát triển tuyến ống cấp nước các xã: Long Bình, Long Phú, Long Trị, Long Trị A, thị xã Long Mỹ	218/QĐ-SKHĐT, 03/9/2019	5.500	5.500							160		160					160	
(5)	Dự án khởi công mới năm 2021		152.000	152.000	107.000		107.000				77.900		77.900				32.100	3.000	
1	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung Phương Phú, huyện Phụng Hiệp (Nâng công suất từ 50m³/h lên 100m³/h)	93/QĐ-SKHĐT, 16/3/2021	15.000	15.000	10.000		10.000				13.000		13.000					3.000	
2	Trạm cấp nước tập trung liên xã Hòa An và xã Hiệp Hưng huyện Phụng Hiệp (Công suất 200m³/h)	737/QĐ-UBND, 19/4/2021	43.000	43.000	30.000		30.000				21.000		21.000				9.000		
3	Trạm cấp nước tập trung xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp (Công suất 50m³/h)	624/QĐ-UBND, 30/3/2021	22.000	22.000	15.000		15.000				11.000		11.000				4.000		

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021 được giao						Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh, bổ sung						Giảm	Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSĐP	Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:							
						Cân đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài		Cân đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài			
4	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung xã Phương Bình (Nâng công suất từ 30m³/h lên 100m³/h)	738/QĐ-UBND, 19/4/2021	17.000	17.000	12.000		12.000				8.000		8.000				4.000		
5	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung Vị Thắng, huyện Vị Thủy (Nâng công suất từ 50m³/h lên 100m³/h)	739/QĐ-UBND, 19/4/2021	17.000	17.000	12.000		12.000				7.900		7.900				4.100		
6	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung xã Hỏa Tiến, thành phố Vị Thanh (Nâng công suất từ 35m³/h lên 100m³/h)	623/QĐ-UBND, 30/3/2021	18.000	18.000	14.000		14.000				7.800		7.800				6.200		
7	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung Long Bình, thị xã Long Mỹ (Nâng công suất từ 40m³/h lên 100m³/h)	736/QĐ-UBND, 19/4/2021	20.000	20.000	14.000		14.000				9.200		9.200				4.800		
XIV	Ban Dân tộc		2.273	2.273	-	-	-				9	9	-				-	9	
(1)	Tất toán tài khoản		2.273	2.273	-	-	-				9	9	-				-	9	
1	Nâng cấp, sửa chữa chùa BôRâySaRâyChum ấp 5, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ	168/QĐ-SKHĐT, 07/8/2014	2.273	2.273							9	9						9	
XV	Văn phòng Tỉnh ủy		20.990	20.990	7.000	7.000	-				3.500	3.500	-				3.500	-	
(5)	Dự án khởi công mới năm 2021		20.990	20.990	7.000	7.000	-				3.500	3.500	-				3.500	-	
1	Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng	1245QĐ-UBND, 01/7/2021	20.990	20.990	7.000	7.000					3.500	3.500					3.500		
XVI	Công an tỉnh		108.229	51.744	12.000	12.000	-	-			13.651	13.651	-	-			-	1.651	
(1)	Tất toán tài khoản		13.862	13.862	-	-	-	-			151	151	-	-			-	151	
1	Trang thiết bị làm việc Công an tỉnh	168/QĐ-SKHĐT, 30/10/2015	3.053	3.053							41	41						41	
2	Công an xã Vĩnh Tường	137/QĐ-SKHĐT, 23/10/2013	2.925	2.925							29	29						29	
3	Nâng cấp sửa chữa các tuyến đường thuộc Công an tỉnh HG	222/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	1.984	1.984							43	43						43	
4	Công an xã Tân Tiến	246/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	3.000	3.000							26	26						26	
5	Công an xã Lương Tâm	252/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	2.900	2.900							12	12						12	
(5)	Dự án khởi công mới năm 2021		94.367	37.882	12.000	12.000	-	-			13.500	13.500	-	-			-	1.500	
1	Cơ sở làm việc Công an thành phố Ngã Bảy thuộc Công an tỉnh Hậu Giang (Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư)	7105/QĐ-BCA-H02, 13/8/2020	94.367	37.882	12.000	12.000					13.500	13.500						1.500	Thu hồi tạm ứng 12 tỷ đồng
**	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ		2.199.619	1.442.637	307.435	77.600	30.460	1.775	42.000	155.600	436.050	111.003	125.672	1.775	42.000	155.600	32.100	160.715	
I	UBND thành phố Vị Thanh		911.757	235.955	197.600	-	-	-	42.000	155.600	220.149	16.817	5.732	-	42.000	155.600	-	22.549	
(1)	Tất toán tài khoản		67.036	49.434	-	-	-	-	-	-	906	200	706	-			-	906	
1	Đường ô tô về trung tâm xã Hỏa Tiến, thị xã Vị Thanh (thành phố Vị Thanh)	322/QĐ-UBND, 22/02/2008; 858/QĐ-UBND, 25/12/2008; 2841/QĐ-UBND, 20/10/2009	49.633	49.434							83	83						83	
2	Đường số 02, phường IV, thành phố Vị Thanh	5728/QĐ-UBND, 31/10/2016	9.669								117	117						117	
3	XD đường vào khu căn cứ Thị xã Ủy và mở rộng diện tích nhà tưởng niệm khu căn cứ thị xã ủy xã Vị Tân TPVT	3345/QĐ-UBND, 29/09/2017	4.170								614		614					614	
4	NCSC trường TH Võ Thị Sáu (điểm phụ)	3761/QĐ-UBND, 30/10/2017	3.564								92		92					92	
(2)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2020		3.200	-	-	-	-	-			26	-	26	-			-	26	
1	Nhà văn hóa khu vực 2, phường VII	1498/QĐ-UBND, 20/09/2019	1.600								12		12					12	
2	Nhà Văn hóa - khu thể thao ấp Thạnh Trung, xã Hỏa Lựu, TPVT	1005/QĐ-UBND, 01/07/2019	1.600								14		14					14	
(4)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021		834.617	179.617	197.600	-	-	-	42.000	155.600	214.217	16.617	-	-	42.000	155.600	-	16.617	

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021 được giao						Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh, bổ sung						Giảm	Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSĐP	Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:							
						Cân đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài		Cân đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài			
1	Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	496/QĐ-UBND 27/3/2017; 1473/QĐ-UBND, 04/10/2018	834.617	179.617	197.600				42.000	155.600	214.217	16.617			42.000	155.600		16.617	Đối ứng ODA
(5)	Dự án khởi công mới năm 2021		6.904	6.904	-	-	-				5.000	-	5.000				-	5.000	
1	Mở rộng diện tích Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hòa Tiến, thành phố Vị Thanh	2261/QĐ-UBND, 12/7/2021	5.680	5.680							4.000		4.000					4.000	
2	Nâng cấp, sửa chữa đường Nàng Chăng, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh	2267/QĐ-UBND, 12/7/2021	1.224	1.224							1.000		1.000					1.000	
II	UBND thành phố Ngã Bảy		44.800	44.800	-	-	-				2.723	1.000	1.723				-	2.723	
(3)	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2021		22.800	22.800	-	-	-				1.723	-	1.723				-	1.723	
1	Trường Tiểu học Tân Thành 2	1927/QĐ-UBND, 31/10/2019	8.300	8.300							755		755					755	
2	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	1924/QĐ-UBND, 31/10/2019	5.000	5.000							87		87					87	
3	NCSC 6 điểm trường (Mẫu giáo Sen Hồng; Tiểu học Hùng Vương; Tiểu học Lý Tự Trọng; Tiểu học Kim Đồng; Tiểu học Đại Thành 2 và THCS Đại Thành)	1925/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.500	1.500							140		140					140	
4	Cổng chào thị xã Ngã Bảy khu vực vòng xoay Hiệp Lợi	1920/QĐ-UBND, 31/10/2019	2.000	2.000							180		180					180	
5	Cổng chào thị xã Ngã Bảy khu vực vòng xoay Hiệp Thành	1921/QĐ-UBND, 31/10/2019	2.000	2.000							191		191					191	
6	Đài truyền thanh thị xã Ngã Bảy	1944/QĐ-UBND, 31/10/2019	4.000	4.000							370		370					370	
(5)	Dự án khởi công mới năm 2021		22.000	22.000	-	-	-				1.000	1.000	-				-	1.000	
1	Khu tái định cư thành phố Ngã Bảy	1007/QĐ-UBND, 04/6/2021	22.000	22.000							1.000	1.000						1.000	
III	UBND thị xã Long Mỹ		118.765	118.765	-	-	-				6.165	2.023	4.142				-	6.165	
(2)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2020		58.765	58.765	-	-	-				4.165	23	4.142				-	4.165	
1	Trụ sở UBND xã Long Trị, thị xã Long Mỹ	1568/QĐ-UBND, 31/10/2019	11.000	11.000							23	23						23	
2	Trường Mẫu giáo Trà Lồng	1568/QĐ-UBND, 31/10/2019	7.050	7.050							686		686					686	
3	Trường Tiểu học Vĩnh Tường	1565/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.421	1.421							83		83					83	
4	Trường Trung học cơ sở Trịnh Văn Thì	1566/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.700	1.700							121		121					121	
5	Trường Mẫu giáo Phượng Hồng	1562/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.893	1.893							78		78					78	
6	Trường Mẫu giáo Bình Thạnh	1569/QĐ-UBND, 31/10/2019	900	900							47		47					47	
7	Trường Mẫu giáo Long Trị A	1564/QĐ-UBND, 31/10/2019	955	955							19		19					19	
8	Trường Tiểu học Long Phú 1 (Điểm lẻ Long Bình 1)	1567/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.396	1.396							52		52					52	
9	Trường Tiểu học Long Trị A	1554/QĐ-UBND, 31/10/2019	4.000	4.000							397		397					397	
10	Trường Tiểu học Bình Thạnh	1552/QĐ-UBND, 31/10/2019	6.000	6.000							596		596					596	
11	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	1557/QĐ-UBND, 31/10/2019	4.600	4.600							429		429					429	
12	Trường Mẫu giáo Tân Phú	1556/QĐ-UBND, 31/10/2019	4.300	4.300							411		411					411	
13	Trường Tiểu học Tân Phú 1 (Điểm ấp Long Trị 1)	1555/QĐ-UBND, 31/10/2019	4.500	4.500							446		446					446	
14	Trường Trung học cơ sở Long Trị	1561/QĐ-UBND, 31/10/2019	2.800	2.800							248		248					248	
15	Trường Tiểu học Long Phú 2	1558/QĐ-UBND, 31/10/2019	2.600	2.600							236		236					236	

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021 được giao						Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh, bổ sung						Giảm	Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSĐP	Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:							
						Cân đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài		Cân đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài			
16	Trường Trung học cơ sở Trà Lồng	1551/QĐ-UBND, 31/10/2019	3.650	3.650							293		293					293	
(5)	Dự án khởi công mới năm 2021		60.000	60.000	-	-	-				2.000	2.000	-				-	2.000	
1	Khu tái định cư thị xã Long Mỹ	15/NQ-HĐND, 14/7/2021	60.000	60.000							2.000	2.000						2.000	
IV	UBND huyện Long Mỹ		65.226	7.052	-	-	-				7.480	-	7.480				-	7.480	
(1)	Tất toán tài khoản		24.374	-	-	-	-				1.250	-	1.250				-	1.250	
1	Nhà văn hóa ấp 5 xã Vĩnh Thuận Đông	2833/QĐ-UBND, 31/10/2016	924								140		140					140	
2	Nhà văn hóa ấp 9 xã Lương Tâm	2838/QĐ-UBND, 31/10/2016	700								35		35					35	
3	Nhà văn hóa ấp 2 xã Xà Phiên	2834/QĐ-UBND, 31/10/2016	1.000								37		37					37	
4	Trường Tiểu học Thuận Hòa, điểm Ô Mối, xã Thuận Hòa, huyện Long Mỹ. Hạng mục: 05 phòng học, khu vệ sinh.	1920/QĐ-UBND, 31/10/2016	2.250								21		21					21	
5	Trường Tiểu học Lương Nghĩa 1	706/QĐ-UBND, 31/3/2017	6.500								56		56					56	
6	Nâng cấp sửa chữa tuyến kênh Giao Du, ấp 5 xã Xà Phiên	538/QĐ-UBND, 22/3/2016	690								26		26					26	
7	NCSC Trường THCS Xà Phiên	3278/QĐ-UBND, 31/10/2017	2.236								144		144					144	
8	Tuyến đường sông cái ấp 8 xã Xà Phiên	3279/QĐ-UBND, 31/10/2017	1.600								247		247					247	
9	NCSC Trường TH Xà Phiên 1	2684/QĐ-UBND 25/9/2017	1.478								78		78					78	
10	Tuyến kênh Ông Bốn đến kênh Thủy Lợi ấp 10, xã Lương Nghĩa	554/QĐ-UBND, 23/3/2016	876								33		33					33	
11	Tuyến kênh Bờ Tre xã Vĩnh Thuận Đông	2212/QĐ-UBND, 15/9/2016	2.995								272		272					272	
12	Trường Mẫu giáo Xà Phiên 2, xã Xà Phiên (4 phòng)	2685/QĐ-UBND 25/9/2017	1.639								119		119					119	
13	Trường TH Xà Phiên 2, xã Xà Phiên	2686/QĐ-UBND, 25/9/2017	1.487								42		42					42	
(2)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2020		33.800	-	-	-	-				1.930	-	1.930				-	1.930	
1	Trường Tiểu học Xà Phiên 1	2292/QĐ-UBND, 23/10/2019	5.000								216		216					216	
2	Trường Mẫu giáo Thuận Hòa	2326/QĐ-UBND, 25/10/2019	8.000								394		394					394	
3	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thành Đô	2329/QĐ-UBND, 25/10/2019	7.000								609		609					609	
4	Trường Tiểu học Vĩnh Viễn A2	2332/QĐ-UBND, 25/10/2019	4.000								157		157					157	
5	Nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Lương Nghĩa 2	2455/QĐ-UBND, 31/10/2019	9.800								554		554					554	
(5)	Dự án khởi công mới năm 2021		7.052	7.052	-	-	-	-			4.300	-	4.300	-			-	4.300	
1	Tuyến lộ đoạn từ Xã đội cũ đến Ba Bê, ấp 7 xã Thuận Hưng	2058/QĐ-UBND, 14/7/2021	1.140	1.140							500		500					500	
2	Tuyến lộ đoạn từ Xẻo Cạn đến Ba Quan, ấp 7 xã Thuận Hưng	2059/QĐ-UBND, 14/7/2021	672	672							500		500					500	
3	Tuyến lộ đoạn từ Ba Cầu đến kênh Long Mỹ 1, ấp 7 xã Thuận Hưng	2060/QĐ-UBND, 14/7/2021	1.192	1.192							600		600					600	
4	Tuyến lộ đoạn từ Xẻo Ráng đến Tư Lâm, ấp 8 xã Thuận Hưng	2061/QĐ-UBND, 14/7/2021	600	600							500		500					500	
5	Tuyến lộ đoạn từ Năm Keo đến HTX cá Thát Lát, ấp 8 xã Thuận Hưng	2062/QĐ-UBND, 14/7/2021	600	600							500		500					500	
6	Tuyến lộ đoạn từ Hai Ngãi đến Ba Luốt, ấp 9 xã Thuận Hưng	2063/QĐ-UBND, 14/7/2021	1.128	1.128							600		600					600	
7	Tuyến lộ đoạn từ Ba Be đến Bảy Bối, ấp 10 xã Thuận Hưng	2064/QĐ-UBND, 14/7/2021	720	720							500		500					500	

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021 được giao						Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh, bổ sung						Giảm	Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSĐP	Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:							
						Cân đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài		Cân đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài			
8	Nhà văn hóa ấp 8, xã Vĩnh Viễn A	2065/QĐ-UBND, 14/7/2021	1.000	1.000							600		600					600	
V	UBND huyện Vị Thủy		273.750	252.990	23.460	20.000	3.460	-			68.306	41.059	27.247	-			100	44.946	
(1)	Tất toán tài khoản		60.521	60.521	-	-	-	-			59	59	-	-			-	59	
1	Bờ kè nội ô thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy, hạng mục: Kè bảo vệ vỉa hè, cây xanh, đèn trang trí	1190/QĐ-UBND, 27/10/2017	55.555	55.555							52	52						52	
2	Các cầu trên tuyến đường kênh Ngang, huyện Vị Thủy. Hạng mục: Cầu kênh Trà Sết, cầu kênh Trường học, cầu kênh Giải Phóng, cầu kênh 10 Nhộc, cầu kênh 5 Tre	1142/QĐ-UBND, 27/7/2018	4.966	4.966							7	7						7	
(2)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2020		15.147	15.147	-	-	-				287	-	287				-	287	
1	Trường Tiểu học Vị Thanh 1, ấp 1, xã Vị Thanh, huyện Vị Thủy	3543/QĐ-UBND, 29/10/2019	8.399	8.399							225		225					225	
2	Nâng cấp, sửa chữa đường Kênh Chùa (xã Vị Trung - Vị Đông)	1777/QĐ-UBND, 15/10/2019	1.699	1.699							36		36					36	
3	Trường Tiểu học Vị Thanh 2	1563/QĐ-UBND, 24/9/2019	2.000	2.000							12		12					12	
4	Trường Tiểu học Vị Bình 2	1572/QĐ-UBND, 24/9/2019	2.000	2.000							13		13					13	
5	Trường Tiểu học Vị Bình 2 (điểm B)	1573/QĐ-UBND, 24/9/2019	1.049	1.049							1		1					1	
(5)	Dự án khởi công mới năm 2021		198.082	177.322	23.460	20.000	3.460	-			67.960	41.000	26.960	-			100	44.600	
1	Trường Tiểu học Vị Đông 4	4438/QĐ-UBND, 07/12/2020	9.000	9.000	400		400				6.900		6.900					6.500	
2	Trường THCS Vị Đông	4439/QĐ-UBND, 07/12/2020	6.000	6.000	300		300				2.000		2.000					1.700	
3	Trường mẫu giáo Vị Đông	4435/QĐ-UBND, 07/12/2020	2.760	2.760	2.760		2.760				2.660		2.660				100		
4	Kè kênh xáng Nàng Mau (giai đoạn 2)	243/QĐ-UBND, 08/02/2021	78.802	78.802	20.000	20.000					39.000	39.000						19.000	
5	Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy	18/NQ-HĐND, 11/5/2021	60.000	60.000							2.000	2.000						2.000	
6	Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng xã Vĩnh Thuận Tây	2436/QĐ-UBND, 13/7/2021	13.200	6.600							4.000		4.000					4.000	
7	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 1, xã Vĩnh Thuận Tây	2433/QĐ-UBND, 13/7/2021	2.750	1.375							1.000		1.000					1.000	
8	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 4, xã Vĩnh Thuận Tây	2434/QĐ-UBND, 13/7/2021	2.750	1.375							1.000		1.000					1.000	
9	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 5, xã Vĩnh Thuận Tây	2435/QĐ-UBND, 13/7/2021	2.530	1.265							1.000		1.000					1.000	
10	Nhà văn hóa ấp 2, xã Vĩnh Thuận Tây	2430/QĐ-UBND, 13/7/2021	1.980	990							800		800					800	
11	Nhà văn hóa ấp 6, xã Vĩnh Thuận Tây	2431/QĐ-UBND, 13/7/2021	2.640	1.320							1.000		1.000					1.000	
12	Nhà văn hóa ấp 7, xã Vĩnh Thuận Tây	2432/QĐ-UBND, 13/7/2021	1.870	935							800		800					800	
13	Đường 9.500 (nam xà no) xã Vị Bình	2437/QĐ-UBND, 13/7/2021	2.000	1.000							800		800					800	
14	Đường Cái Đĩa, xã Vị Thắng	2438/QĐ-UBND, 13/7/2021	7.000	3.500							3.000		3.000					3.000	
15	Đường Kênh Tây, xã Vị Thắng	2439/QĐ-UBND, 13/7/2021	4.800	2.400							2.000		2.000					2.000	
VI	UBND huyện Phụng Hiệp		217.865	215.619	10.000	-	10.000	-			42.049	2.977	39.072	-			-	32.049	
(3)	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2021		119.919	119.472	-	-	-				13.256	977	12.279				-	13.256	
1	Đường Giao thông nông thôn Xẻo Môn dài bờ trái, xã Long Thạnh	6808/QĐ-UBND, 30/10/2019	5.500	5.500							537	537						537	
2	Nhà công vụ UBND huyện Phụng Hiệp	4428/QĐ-UBND, 31/10/2018	4.500	4.500							440	440						440	

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021 được giao						Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh, bổ sung						Giảm	Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSĐP	Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:							
						Cân đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài		Cân đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài			
3	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	6686/QĐ-UBND, 28/10/2019	7.000	7.000							236		236					236	
4	Trường Mẫu giáo Tân Long	6768/QĐ-UBND, 29/10/2019	5.500	5.500							550		550					550	
5	Trường Tiểu học Hòa Mỹ 2	6688/QĐ-UBND, 28/10/2019	6.000	6.000							597		597					597	
6	Trường Tiểu học Thạnh Hòa 2	6811/QĐ-UBND, 30/10/2019	7.500	7.500							744		744					744	
7	Trường Tiểu học Tân Phước Hưng 3	6812/QĐ-UBND, 30/10/2019	6.000	6.000							600		600					600	
8	Trường Tiểu học Hiệp Hưng 3	6692/QĐ-UBND, 28/10/2019	8.500	8.500							865		865					865	
9	Trung tâm văn hóa thể thao xã Long Thạnh	6685/QĐ-UBND, 28/10/2019	6.400	6.400							640		640					640	
10	Trường Trung học cơ sở Long Thạnh	6690/QĐ-UBND, 28/10/2019	2.520	2.520							224		224					224	
11	Trường Mẫu giáo Phương Phú	6809/QĐ-UBND, 30/10/2019	5.000	5.000							476		476					476	
12	Trường Mẫu giáo Tân Phước Hưng	6691/QĐ-UBND, 28/10/2019	5.000	5.000							500		500					500	
13	Trường Tiểu học Kim Đồng	6689/QĐ-UBND, 28/10/2019	4.000	4.000							400		400					400	
14	Trường Tiểu học Mùa Xuân	6772/QĐ-UBND, 29/10/2019	3.000	3.000							297		297					297	
15	Trường Tiểu học Hòa Mỹ 3	6770/QĐ-UBND, 29/10/2019	4.000	4.000							400		400					400	
16	Trường Tiểu học Phương Phú 3	6766/QĐ-UBND, 29/10/2019	4.000	4.000							399		399					399	
17	Trường Tiểu học Hòa An 2	6687/QĐ-UBND, 28/10/2019	4.000	4.000							400		400					400	
18	Trường Trung học cơ sở Hưng Điền	6771/QĐ-UBND, 29/10/2019	4.500	4.500							449		449					449	
19	Trường Trung học cơ sở Hòa Mỹ	6823/QĐ-UBND, 31/10/2019	9.500	9.500							950		950					950	
20	Trường Tiểu học Thạnh Hòa 3	6813/QĐ-UBND, 30/10/2019	9.000	9.000							900		900					900	
21	San lấp mặt bằng, tường rào, cây xanh trung tâm văn hóa xã Bình Thành	6825/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.539	1.539							182		182					182	
22	Trường Tiểu học Hòa An 4 (điểm Xáng Bộ)	6810/QĐ-UBND, 30/10/2019	4.500	4.500							457		457					457	
23	Nâng cấp, sửa chữa Trường tiểu học Tân Bình 4	4092/QĐ-UBND, 29/9/2017	2.460	2.013							2.013		2.013					2.013	Hoàn trả NSTW theo Kết luận của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX
(5)	Dự án khởi công mới năm 2021		97.946	96.147	10.000	-	10.000	-			28.793	2.000	26.793	-			-	18.793	
1	Tiểu học Phương Phú 2, điểm Bình Hoà, xã Phương Phú, huyện Phụng Hiệp. Hạng mục: 03 phòng học, thiết bị.	205/QĐ-SKHĐT 09/7/2020	1.478	718							687		687					687	Đối ứng
2	Mẫu giáo Sơn Ca, điểm Hoà Bình, thị trấn Kinh Cùng, huyện Phụng Hiệp. Hạng mục: 02 phòng học, thiết bị.	202/QĐ-SKHĐT 09/7/2020	1.234	597							575		575					575	Đối ứng
3	Trường tiểu học Kim Đồng, điểm Hoà Long B, thị trấn Kinh Cùng, huyện Phụng Hiệp. Hạng mục: 01 phòng học, sân chơi, khu vệ sinh, thiết bị	369/QĐ-SKHĐT 08/12/2020	934	532							531		531					531	Đối ứng
4	Trạm y tế xã Thạnh Hoà	7594/QĐ-UBND 7/12/2020	7.000	7.000	3.000		3.000				6.000		6.000					3.000	
2	Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Pụng Hiệp	7599/QĐ-UBND 7/12/2020	7.500	7.500	2.500		2.500				5.000		5.000					2.500	
5	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Phụng Hiệp	7593/QĐ-UBND 7/12/2020	9.500	9.500	4.500		4.500				8.000		8.000					3.500	

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021 được giao						Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh, bổ sung						Giảm	Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSĐP	Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:							
						Cân đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài		Cân đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài			
6	Khu tái định cư tại thị trấn Cây Dương	18/NQ-HĐND, 14/7/2021	58.600	58.600							2.000	2.000						2.000	
7	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Tân Long	4716/QĐ-UBND, 12/7/2021	8.500	8.500							4.000		4.000					4.000	
8	Nhà Văn hóa ấp Thạnh Lợi C, xã Tân Long	4714/QĐ-UBND, 12/7/2021	1.600	1.600							1.000		1.000					1.000	
9	Nhà Văn hóa ấp Thạnh Lợi A2, xã Tân Long	4715/QĐ-UBND, 12/7/2021	1.600	1.600							1.000		1.000					1.000	
VII	UBND huyện Châu Thành		410.940	410.940	75.775	57.000	17.000	1.775			71.248	37.909	31.564	1.775			32.000	27.473	
(1)	Tất toán tài khoản		11.400	11.400	-	-	-	-			400	-	400	-			-	400	
1	Đường giao thông nông thôn từ cầu Chữ Y đến xã Phú Tân	4857/QĐ-UBND, 31/10/2018	11.400	11.400							400		400					400	
(3)	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2021		70.890	70.890	-	-	-				4.573	909	3.664				-	4.573	
1	Cụm Dân cư vượt lũ thị trấn Ngã Sáu (giai đoạn 2)	6620/QĐ-UBND, 30/10/2019	6.000	6.000							80	80						80	
2	Cụm Dân cư vượt lũ thị trấn Mái Dầm	6621/QĐ-UBND, 30/10/2019	9.000	9.000							243	243						243	
3	Cụm Dân cư vượt lũ thị trấn Ngã Sáu (giai đoạn 1)	6623/QĐ-UBND, 30/10/2019	8.000	8.000							586	586						586	
4	Nâng cấp sửa chữa Trường Tiểu học Phú Hữu 1	6639/QĐ-UBND, 31/10/2019	8.900	8.900							890		890					890	
5	Nâng cấp tuyến đường Đông Sơn - Bưng Cây Sắn	6624/QĐ-UBND, 30/10/2019	14.990	14.990							1.490		1.490					1.490	
6	Đường Giao thông nông thôn Tuyến Rạch Cái Đôi, ấp Phước Hòa A, xã Đông Phước A	6690/QĐ-UBND, 31/10/2019	7.000	7.000							490		490					490	
7	Trường Tiểu học Ngô Hữu Hạnh 2	6692/QĐ-UBND, 26/9/2019	9.000	9.000							233		233					233	
8	Trường Trung học cơ sở Phú Hữu	6610/QĐ-UBND, 29/10/2019	3.000	3.000							211		211					211	
9	Trường Mẫu giáo Đông Phước	6691/QĐ-UBND, 31/10/2019	5.000	5.000							350		350					350	
(5)	Dự án khởi công mới năm 2021		328.650	328.650	75.775	57.000	17.000	1.775			66.275	37.000	27.500	1.775			32.000	22.500	
1	Xây dựng Chính quyền điện tử hiện đại, thân thiện huyện Châu Thành	6190/QĐ-UBND, 09/12/2020	5.000	5.000	1.500	1.500					4.500	4.500						3.000	
2	Tuyến đường kết nối với Tp Cần Thơ (từ đường ô tô Cái Chánh - Đông Phú nối đường ô tô phường Tân Phú, quận Cái Răng)	6193/QĐ-UBND, 09/12/2020	3.000	3.000	1.000	1.000					-						1.000		
3	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường giao thông Tràm Bông	6194/QĐ-UBND, 09/12/2020	6.700	6.700	2.000	2.000					6.000	6.000						4.000	
4	Trường THCS Nguyễn Văn Quy (Xây dựng mới các phòng, nâng cấp sửa chữa và trang thiết bị)	6201/QĐ-UBND, 09/12/2020	3.000	3.000	2.000		2.000				2.800		2.800					800	
5	Trường Tiểu học Phú Hữu 2 (Xây dựng mới các phòng, nâng cấp sửa chữa và trang thiết bị)	6198/QĐ-UBND, 09/12/2020	2.500	2.500	1.500		1.500				2.300		2.300					800	
6	Trường Tiểu học Phú Hữu 3 (Xây dựng mới các phòng, nâng cấp sửa chữa và trang thiết bị)	6197/QĐ-UBND, 09/12/2020	2.500	2.500	1.500		1.500				2.300		2.300					800	
7	Trường Tiểu học Ngô Hữu Hạnh 1 (Xây dựng mới 4 phòng, nâng cấp sửa chữa các và trang thiết bị)	QĐ 2148, 01/12/2020	3.000	3.000	2.000		2.000				2.600		2.600					600	
8	Trường Mẫu giáo Phú Tân (Quy hoạch mở rộng xây dựng các phòng, nâng cấp sửa chữa và trang thiết bị ở các khu A,B,C để công nhận đạt chuẩn)	6205/QĐ-UBND, 09/12/2020	15.000	15.000	10.000		10.000				7.000		7.000				3.000		
9	Cầu Kênh Thạnh Đông đấu nối với thành phố Cần Thơ	6192/QĐ-UBND, 09/12/2020	10.000	10.000	3.000	3.000					-						3.000		
10	Đường nối thị trấn Ngã Sáu đến đường Nam Sông Hậu	754/QĐ-UBND, 23/4/2021	180.000	180.000	45.000	45.000					20.000	20.000					25.000		
11	Khu tái định cư thị trấn Ngã Sáu - giai đoạn 2	17/NQ-HĐND, 14/7/2021	60.000	60.000							1.000	1.000						1.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021 được giao						Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh, bổ sung						Giảm	Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSDP	Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:							
						Cân đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài		Cân đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài			
12	Khu hành chính xã Đông Phú, huyện Châu Thành	2086/QĐ-UBND, 27/11/2020	14.000	14.000	6.275	4.500		1.775			7.275	5.500		1.775				1.000	
13	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Đông Thạnh	2344/QĐ-UBND, 07/07/2021	600	600							500		500					500	
14	Nhà văn hóa ấp Đông Lợi	2347/QĐ-UBND, 07/07/2021	1.300	1.300							500		500					500	
15	Hệ thống thoát nước Nhà văn hóa ấp Đông Lợi A	2346/QĐ-UBND, 07/07/2021	200	200							100		100					100	
16	Nhà văn hóa ấp Đông Lợi B	2345/QĐ-UBND, 07/07/2021	1.000	1.000							400		400					400	
17	Nhà văn hóa ấp Đông Phú	2352/QĐ-UBND, 07/07/2021	1.300	1.300							500		500					500	
18	Nhà văn hóa ấp Đông Phú A	2343/QĐ-UBND, 07/07/2021	1.300	1.300							500		500					500	
19	Sửa chữa trụ sở UBND xã Đông Phước	2342/QĐ-UBND, 07/07/2021	2.000	2.000							1.000		1.000					1.000	
20	Nâng cấp, sửa chữa tuyến lộ GTNT ấp Đông Phú, xã Đông Phước	2348/QĐ-UBND, 07/07/2021	1.400	1.400							1.050		1.050					1.050	
21	Nâng cấp, sửa chữa tuyến lộ GTNT ấp Đông Phú A, xã Đông Phước	2353/QĐ-UBND, 07/07/2021	1.350	1.350							1.050		1.050					1.050	
23	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Phú Trí B	2455/QĐ-UBND, 08/07/2021	1.500	1.500							500		500					500	
22	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Phú Trí B1	2454/QĐ-UBND, 08/07/2021	1.500	1.500							500		500					500	
24	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Phú Nghĩa	2452/QĐ-UBND, 08/07/2021	1.500	1.500							500		500					500	
25	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Phú Lộc	2457/QĐ-UBND, 08/07/2021	1.500	1.500							500		500					500	
26	Nhà văn hóa- khu thể thao ấp Phú Thành	2456/QĐ-UBND, 08/07/2021	1.500	1.500							500		500					500	
27	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Phú Lợi A	2453/QĐ-UBND, 08/07/2021	1.300	1.300							500		500					500	
28	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu Giáo Phú Hữu (điểm lẻ Phú Trí A)	2349/QĐ-UBND, 07/07/2021	1.700	1.700							700		700					700	
29	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Phú Hữu	2341/QĐ-UBND, 07/07/2021	3.000	3.000							1.200		1.200					1.200	
VIII	UBND huyện Châu Thành A		156.516	156.516	600	600	-	-			17.930	9.218	8.712	-			-	17.330	
(3)	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2021		78.716	78.716	-	-	-				6.134	3.722	2.412				-	6.134	
1	Cụm Dân cư vượt lũ Trường Long Tây	3557/QĐ-UBND, 31/10/2019	3.000	3.000							300	300						300	
2	Nâng cấp trục đường Trung tâm thị trấn Một Ngàn (đoạn từ UBND huyện đến Công an huyện)	3562/QĐ-UBND, 31/10/2019	11.000	11.000							1.100	1.100						1.100	
3	Hội trường xã Tân Hòa	3119/QĐ-UBND, 07/10/2019	1.400	1.400							80	80						80	
4	Đường giao thông nông thôn; hạng mục: Tuyến So Đũa Bẻ (nối dài)	3232/QĐ-UBND, 16/10/2019	3.566	3.566							200	200						200	
5	Cụm Dân cư vượt lũ Nhơn Nghĩa A	3561/QĐ-UBND, 31/10/2019	7.500	7.500							525	525						525	
6	Cụm Dân cư vượt lũ Tân Thuận	3559/QĐ-UBND, 31/10/2019	3.500	3.500							350	350						350	
7	Cụm Dân cư vượt lũ Bảy Ngàn	3560/QĐ-UBND, 31/10/2019	7.900	7.900							553	553						553	
8	Cụm Dân cư vượt lũ Trường Long A	3558/QĐ-UBND, 31/10/2019	4.300	4.300							430	430						430	
9	Cầu Kênh Ba Thước	3556/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.000	1.000							100	100						100	
10	Nâng cấp sửa chữa đường dẫn vào cầu Cầu chữ Y xã Trường Long Tây	3489/QĐ-UBND, 24/10/2019	1.200	1.200							84	84						84	
11	Trường Mẫu giáo Trường Long A	3495/QĐ-UBND, 29/10/2019	6.000	6.000							480		480					480	

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021 được giao						Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh, bổ sung						Giảm	Tăng	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSĐP	Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:							
						Cân đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài		Cân đối ngân sách	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	Vốn nước ngoài			
12	Trường Mẫu giáo Tuổi Hoa	3121/QĐ-UBND, 07/10/2019	1.400	1.400							140		140					140	
13	Trường Mầm non Hướng Dương	3566/QĐ-UBND, 31/10/2019	6.000	6.000							420		420					420	
14	Trường Tiểu học Tân Phú Thạnh 3	3567/QĐ-UBND, 31/10/2019	9.200	9.200							644		644					644	
15	Trường Tiểu học Trường Long Tây 1	3565/QĐ-UBND, 31/10/2019	5.450	5.450							381		381					381	
16	Trường Tiểu học Thị trấn Một Ngàn A	3120/QĐ-UBND, 07/10/2019	1.000	1.000							1		1					1	
17	Trường Trung học cơ sở Võ Thị Sáu	3497/QĐ-UBND, 29/10/2019	3.000	3.000							210		210					210	
18	Trường Trung học cơ sở thị trấn Cái Tắc	3206/QĐ-UBND, 10/10/2019	1.300	1.300							36		36					36	
19	Trường Tiểu học Trường Long Tây 3	3564/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.000	1.000							100		100					100	
(5)	Dự án khởi công mới năm 2021		77.800	77.800	600	600	-	-			11.796	5.496	6.300	-			-	11.196	
1	Tuyến giao thông nông thôn kênh Dậy	4618/QĐ-UBND, 07/12/2020	6.000	6.000	600	600					3.496	3.496						2.896	
2	Khu tái định cư xã Tân Phú Thạnh	16/NQ-HĐND, 14/7/2021	60.000	60.000							2.000	2.000						2.000	
3	Tuyến Kênh 4000 ấp Trường Phước	2940/QĐ-UBND, 12/7/2021	1.000	1.000							600		600					600	
4	Tuyến Kênh 4000 ấp Trường Thọ	2941/QĐ-UBND, 12/7/2021	1.200	1.200							600		600					600	
5	Nâng cấp, sửa chữa 06 nhà văn hóa ấp, xã Trường Long Tây	2927/QĐ-UBND, 12/7/2021	600	600							500		500					500	
6	Nâng cấp đường GTNT Tuyến Kênh Hai Thép	2942/QĐ-UBND, 12/7/2021	1.200	1.200							600		600					600	
7	Nâng cấp sửa chữa cầu kênh Bảy Ngàn (KH9)	2943/QĐ-UBND, 12/7/2021	1.000	1.000							600		600					600	
8	Nâng cấp sửa chữa cầu Kênh Dậy	2944/QĐ-UBND, 12/7/2021	1.000	1.000							600		600					600	
9	Đường GTNT ấp Làng Hầm C	2945/QĐ-UBND, 12/7/2021	2.200	2.200							1.000		1.000					1.000	
10	Tuyến đường GTNT đến Trường Tiểu học Ngô Quyền	2946/QĐ-UBND, 12/7/2021	1.200	1.200							600		600					600	
11	Đường GTNT đoạn từ kênh 3500 đến 4000	2938/QĐ-UBND, 12/7/2021	1.200	1.200							600		600					600	
12	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường GTNT kênh 6 Thước	2936/QĐ-UBND, 12/7/2021	1.200	1.200							600		600					600	

Phụ lục II

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 TỪ NGUỒN THU VƯỢT TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số: 11/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2021		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSĐP		Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2020	
	TỔNG SỐ		**908**	**908**	**908**	**908**	
	UBND thành phố Vị Thanh		**908**	**908**	**908**	**908**	
*	**Dự án khởi công mới năm 2021**		**908**	**908**	**908**	**908**	
1	Nâng cấp, sửa chữa Nhà Thiếu nhi thành phố	2273/QĐ-UBND, 12/7/2020	908	908	908	908	